TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/DS-ST
Ngày 20/9/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Bộ và ông Ngô Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vui - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 06 năm 2022 về "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-DS ngày 23/8/2022, quyết định hoãn phiên toà số 15/2022/QĐST-DS ngày 09/9/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu Th – sinh năm 1988

ĐKHKTT: Đ12 Thái B, Thạch Kh, thành phố Hải D, tỉnh Hải D; địa chỉ liên hệ: Nhà 34T đường Hoàng Đạo Th, phường Trung H, quận Cầu Gi, thành phố Hà N.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị Nguyễn Thị Thu Thuỷ: Ông Đặng Tất T, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 17T đường Hoàng Đạo Th, phường Nhân Ch, quận Thanh X, thành phố Hà N.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng D – sinh năm 1990, trú tại: Thôn Lai Kh, xã Cộng H, huyện Kim Th, tỉnh Hải D.

(Ông T, anh D đều có mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Chị Th và anh D là bạn bè có quen biết. Trước đó chị Th có đưa cho Duy số tiền 16100 EUR để anh D làm ăn. Sau đó vào ngày 18/01/2021 thì giữa Duy và chị Th có viết giấy biên nhận tiền với nhau. Hai bên có quy đổi 16100 EUR = 442.750.000 đồng. Hai bên có quy đổi để cho dễ thực hiện. Mục đích vay anh D có nói với chị Th là để làm ăn kinh doanh mở nhà

hàng, chị Th không tham gia kinh doanh hay đóng góp cổ phần cùng anh D. Hai bên vay không có lãi suất, thời hạn vay là chậm nhất vào ngày 18/01/2022 thì anh D phải trả cho chị Th toàn bộ số tiền vay nợ trên. Nhưng đến hạn thì anh D không trả chị Th bất kỳ khoản tiền nào trong số tiền vay nợ trên. Chị Th thường xuyên thông báo cho anh D về khoản nợ đến hạn phải trả nhưng anh D vẫn không chịu trả. Việc vay nợ giữa hai bên thì có lập vi bằng với nhau. Khi vay thì hai bên chỉ thoả thuận trả bằng hình thức trực tiếp hoặc thông qua hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng do chị Th chỉ định chứ không nói rõ bằng tiền việt nam đồng hay tiền EUR. Nay chị đề nghị Toà án giải quyết buộc anh D phải trả số tiền đã vay nợ cho chị Th là 442.750.000 đồng. Nếu quan điểm của anh D cho rằng nhận bằng tiền EUR và sẽ trả bằng tiền EUR thì phía nguyên đơn cũng đồng ý. Trường hợp đối chiếu theo quy định thì việc giao dịch bằng ngoại tệ giữa các bên không được pháp luật cho phép mà bị vô hiệu thì ông đề nghị Toà án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu (các bên trao trả cho nhau những gì đã nhận) theo tỉ giá ngoại hối trên thị trường tại thời điểm xét xử. Ông không yêu cầu tính lãi suất, chỉ đề nghị anh D phải trả số tiền gốc đã nhận. Việc anh D nói chị Th đưa số tiền trên để làm ăn chung với anh D là không đúng vì giữa chị Th và anh D không có quan hệ làm ăn chung với nhau mà chị Th cho anh D vay số tiền trên để làm ăn. Số tiền trên là của riêng chị vì thời điểm đó chị chưa kết hôn với ai.

Tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai anh Nguyễn Hoàng D trình bày: Hiện tại anh vẫn đang sinh sống tại thôn Lai Khê, xã Cộng Hoà, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Anh và chị Nguyễn Thị Thu Th trước đây có quan hệ tình cảm với nhau, anh chị thỉnh thoảng có việc làm ăn chung với nhau. Vào thời điểm ngày 18/01/2021 chị Th có đưa cho anh số tiền 16100 EUR để làm ăn nhưng vì làm thua lỗ nên chị Th đòi lại anh số tiền 16100 EUR đó. Việc giao tiền anh chị có lập vi bằng và có viết giấy biên nhận tiền với nhau. Trong giấy biên nhận tiền thì anh chị có ghi: Bà Nguyễn Thị Thu Th đã tự nguyện giao cho ông Nguyễn Hoàng D số tiền 16100 EUR tỉ giá 27500/1 EUR tương đương với 442.750.000 VNĐ. Anh chị có viết giấy giao nhận tiền bằng tiền EUR, cụ thể là anh nhận 16100 EUR của chị Th. Nay vì điều kiện kinh tế khó khăn không thể trả chị Th ngay toàn bộ số tiền mà chị Th đã đầu tư cùng với anh. Anh sẽ trả dần chị Th số tiền trên theo phương án như sau: Từ năm đầu tiên tức là tính 1 năm kể từ tháng 8/2022 đến tháng 8/2023 thì mỗi tháng anh sẽ trả chị Th 100 EUR. Sau 1 năm tức tháng 9/2023 thì anh sẽ hết số tiền gốc còn lại cho chị Th. Chị Th khởi kiện anh đòi lại số tiền trên thì anh hoàn toàn xác nhận số tiền đã cầm của chị Th nhưng sẽ trả dần theo phương án trả nêu ở trên vì điều kiện hiện giờ của anh không có để trả ngay được. Số tiền trên là tiền một mình anh làm ăn chung với chị Th, không liên quan đến ai, tại thời điểm vay anh chưa đăng ký kết hôn

với ai.

Tại phiên toà:

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm đã trình bày. Ông đề nghị buộc anh D phải trả số tiền vay nợ là 16.100 EUR tương đương 442.750.000 đồng. Vì khi giao dịch bằng ngoại tệ các bên không biết quy định của pháp luật nên trong trường hợp giao dịch bị vô hiệu thì ông đề nghị Toà án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Ông không yêu cầu tính lãi. Anh D xác nhận chị Th có đưa số tiền 16.100 EUR cho anh để làm ăn chung nhưng anh không có căn cứ gì để chứng minh việc đầu tư chung giữa anh và chị Th. Nay chị Th yêu cầu anh phải trả số tiền vay trên thì anh xác định sẽ có trách nhiệm trả chị Th nhưng vì hiện điều kiện kinh tế khó khăn nên anh xin được trả dần.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật, còn vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 3 Điều 26, Điều 91, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, 123, 131, 280, Điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 22 pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của pháp lệnh ngoại hối năm 2013; Luật phí và lệ phí; nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, xác định giao dịch vay tiền giữa chị Th và anh D vô hiệu, buộc anh Nguyễn Hoàng D phải trả cho chị Th số tiền vay nợ gốc là 16.100 EUR, quy đổi ra tiền việt nam đồng tại thời điểm xét xử. Anh Hoàng Hoàng Duy phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu nguyên đơn cung cấp thì Toà án xét thấy nguyên đơn và bị đơn có việc thực hiện giao dịch vay tiền, nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền nợ gốc còn nợ. Tòa án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn Lai Khê, xã Cộng Hoà, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 3

Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Th là nguyên đơn đã tự nguyện uỷ quyền cho ông Tùng tham gia tố tụng, tại phiên toà ông Tùng có mặt, bị đơn anh Nguyễn Hoàng D có mặt.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Th thì thấy: Giữa chị Th và anh D có quan hệ quen biết nhau. Ngày 18/01/2021 chị Th có cho anh Nguyễn Hoàng D vay số tiền 16.100 EUR để làm ăn với thời hạn vay chậm nhất đến ngày 18/01/2022 thì anh D phải có nghĩa vụ trả khoản nợ trên cho chị Th. Nhưng đến thời hạn trả nợ thì anh D đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết, mặc dù chị Th đã nhiều lần yêu cầu anh D phải trả nợ. Tại các lời khai của anh D tại Toà án thì anh đều xác định chị Th có đưa cho anh số tiền 16.100 EUR để kinh doanh nhưng vì làm ăn thua lỗ nên anh không thể trả nợ được. Nay anh muốn được trả dần số tiền nợ trên vì hoàn cảnh hiện tại của anh khó khăn. Anh D cho rằng việc chị Th đưa tiền là để đầu tư chung, còn chị Th cho rằng số tiền trên là do chị Th cho anh D vay mượn để làm ăn chứ không có việc chị đầu tư chung cùng anh D. Đối với anh D ngoài lời khai thì không có căn cứ gì để chứng minh số tiền trên là để đầu tư chung giữa anh và chị Th, việc giao dịch vay nợ giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Nên chị Th khởi kiện yêu cầu anh D phải trả số tiền nợ trên là có căn cứ.

Về nội dung hợp đồng: Đối với khoản tiền vay 16.100 EUR là giao dịch bằng ngoại tệ: Do đó giao dịch giữa các cá nhân về việc vay ngoại tệ trên lãnh thổ Việt nam là trái với quy định tại Điều 22 pháp lệnh ngoại hối vì hai bên không thuộc đối tượng được phép sử dụng ngoại tệ trong giao dịch dân sự. Vì vậy, giao dịch ngày 18/01/2021 giữa chị Th và anh D bị vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật được quy định tại Điều 122, 123 của BLDS năm 2015.

Về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu theo quy định tại Điều 131 của BLDS năm 2015 cần buộc anh D phải hoàn trả cho chị Th số tiền 16.100 EUR được quy đổi thành tiền đồng Việt nam theo tỉ giá hối đoái do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 23.345 đồng/1EUR, quy đổi ra là 375.854.500 đồng.

[4] Về lãi suất: Chị Th tự nguyện không yêu cầu anh D phải trả lãi suất đối với số tiền vay nên Toà án không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Do anh D phải có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, chị Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 91, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, 123, 131, 280, Điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 22 pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của pháp lệnh ngoại hối năm 2013; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Tuyên bố giao dịch dân sự ngày 18/01/2021 giữa chị Nguyễn Thị Thu Th và anh Nguyễn Hoàng D bị vô hiệu, buộc anh D phải hoàn trả cho chị Th số tiền 16.100 EUR được quy đổi thành tiền đồng Việt nam theo tỉ giá hối đoái do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 375.854.500 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả thì thực hiện theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Hoàng D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.792.725 đồng. Hoàn trả lại cho chị Th số tiền đã nộp tạm ứng là 10.855.000 đồng theo biên lai thu số AA/2020/004790 ngày 14/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Thành.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đỗ Thị Hạnh